

## KINH TỶ NI MÃU QUYỂN 2

Việc Ni sai sứ thọ giới khi Phật tại thế, chỉ có một cô đặc giới. Lý do là cô này có nhan sắc rất đẹp, không ai sánh bằng. Nếu đích thân đi đến thì sợ trên đường đi bị kẻ xấu bắt giữ cưỡng hiếp. Vì thế Phật cho phép cử người đại diện. Ngày nay, nếu có người giống như vậy thì được phép nhờ người đại diện thọ giới, còn tất cả những người khác phải có mặt mới đặc Cụ túc, không có mặt thì không đặc giới.

Đối với cách thọ Cụ túc do thực hành theo pháp của thầy, ngoài Kiều-đàm-di và năm trăm người nữ ấy, tất cả còn lại không được thọ Cụ túc theo cách này.

Đối với pháp thọ Cụ túc bậc thượng, ngoài tôn giả Ma-ha-ca-diếp, Tô-đà-da, tất cả còn lại không được thành lập pháp lành thọ Cụ túc bậc thượng. Hoặc nam hoặc nữ có bản tánh hiền lành, trí tuệ sáng suốt, không có các nạn thì được thọ Cụ túc.

Lại có ba hạng người không được thọ Cụ túc: Một là không tự xưng tên, hai là không xưng tên Hòa thượng, ba là không xin giới. Ba hạng người này không được thọ Cụ túc. Ngược với ba hạng trên thì được thọ Cụ túc.

Lại có năm hạng người có thể thọ Cụ túc: Một là người đã trưởng thành, hai là không mắc nợ, ba là không phải người nô lệ, bốn là tuổi đủ hai mươi, năm là cha mẹ cho xuất gia. Năm hạng người này được thọ Cụ túc.

Lại có năm điều kiện để việc bạch Tứ yết-ma thọ giới được viên mãn. Năm điều kiện đó là: Một là Hòa thượng, hai là A-xà-lê, ba là chúng Tăng đầy đủ, bốn là tánh hiền hòa, năm là các căn đầy đủ, không có các chướng ngại. Đó là năm điều kiện để việc thọ giới được viên mãn. Nếu ngược với năm điều trên thì không được thọ Cụ túc.

Lại có hai hạng người không được thọ Cụ túc: Một là có nghiệp chướng, hai là người do rong biển thành. Nếu trước không biết, cho thọ giới, về sau biết thì nên đuổi ra khỏi chúng. Nếu biết trước thì không

được cho thọ giới.

Mười ba hạng như trên cần phải biết rõ.

Lại có một hạng người không nên thọ Cụ túc, đó là người trên thân bông có màu trắng, có rồi lại mất. Nếu biết trước thì không được cho thọ Cụ túc. Nếu không biết và đã cho thọ Cụ túc xong thì về sau tuy biết cũng không nên đuổi ra khỏi chúng.

Thế nào là nghiệp? - Đó là nghiệp suy tư, nghiệp hành động, nghiệp có thể suy tư, nghiệp cố ý suy tư, nghiệp chẳng thể suy tư, nghiệp có thể thọ nhận, nghiệp không thể thọ nhận, nghiệp thọ ít, nghiệp thọ nhiều, nghiệp đã thọ, nghiệp chưa thọ, nghiệp sắc, nghiệp phi sắc, nghiệp có thể thấy, nghiệp không thể thấy, nghiệp có đối, nghiệp không đối, nghiệp Thánh, nghiệp thế gian, nghiệp phải chịu trong thân này, nghiệp phải chịu trong thân sau, nghiệp phải chịu về sau, nghiệp dẫn đến đường ác, nghiệp dẫn đến cõi trời, nghiệp dẫn đến Niết-bàn.

Có ba nghiệp (yết-ma) bao gồm tất cả nghiệp (yết-ma), đó là: yết-ma đơn bạch, yết-ma bạch nhị và yết-ma bạch tứ.

Lại có bốn loại nghiệp (yết-ma) là: Yết-ma phi pháp, yết-ma đúng pháp, yết-ma theo phe nhóm và yết-ma hòa hợp.

Lại có bốn loại nghiệp (yết-ma) là: Nghiệp yết-ma theo phe nhóm Tỳ-kheo, nghiệp hòa hợp làm yết-ma phi pháp, nghiệp làm yết-ma phi pháp theo phe nhóm (không hòa hợp), nghiệp hòa hợp làm yết-ma như pháp.

Trong các pháp yết-ma này, nghiệp (yết-ma) theo phe nhóm và yết-ma phi pháp, các Tỳ-kheo không nên làm. Nghiệp yết-ma hòa hợp, yết-ma phi pháp, hai nghiệp này không nên làm. Nghiệp yết-ma như pháp và theo phe nhóm cũng không nên làm. Nghiệp yết-ma hòa hợp, yết-ma như pháp, hai nghiệp này nên làm, Đó là điều Ta cho phép.

Trong đó, có ba loại cần phải biết: Một là nghiệp (yết-ma) bạch, hai là nghiệp (yết-ma) tấn xuất (đuổi đi) và trị phạt, ba là nghiệp (yết-ma) chẳng bạch, chẳng tấn xuất, trị phạt.

Thế nào là nghiệp bạch? - Nghiệp bạch là sau khi bạch rồi mới cho cạo tóc, thọ giới sa-di cho đến đại giới, Tỳ-kheo cũng bạch trước, sau mới cho thọ. Nếu không làm vậy thì không được thọ pháp Tỳ-kheo. Tất cả đều như vậy. Nếu có làm việc gì cần phải bạch chúng Tăng, chúng Tăng cho phép thì làm, không cho thì không được làm. Vì thế gọi là yết-ma đơn bạch.

Thế nào gọi là yết-ma tấn xuất, trị phạt? - Nếu có Tỳ-kheo không

thuận theo lời Phật dạy hoặc tự nói với Tăng, hoặc người khác nói với chúng Tăng, Tăng tập hợp lại, tùy theo tội ấy nặng nhẹ mà quả trách, đui đi, hoặc là trị phạt. Khi bị trị phạt, chưa trả hết tội lại tái phạm, chúng Tăng lại quả trách. Các nghiệp (yết-ma) như vậy gọi là nghiệp tấn xuất trị phạt.

Thế nào là không bạch, không tấn xuất, trị phạt? - Nếu có Tỳ-kheo được Tăng sai xây dựng nhà cửa thì nghiệp này chẳng bạch, cũng chẳng đui phạt. Lại nữa, người này khi Tăng vừa yết-ma lần đầu cử làm người xây dựng nhà cửa thì cũng chẳng phải bạch, chẳng phải tấn xuất, trị phạt. Nghiệp này gọi là nghiệp chẳng phải bạch, chẳng phải tấn xuất, trị phạt.

Lại nữa, nên hiểu yết-ma chẳng phải là một. Như yết-ma về vật của Tỳ-kheo đã qua đời, yết-ma này chẳng bạch, chẳng đui phạt, vì thế có khác. Yết-ma thọ y công đức cũng như vậy.

Yết-ma kết đại giới, yết-ma tịnh địa, những yết-ma này chẳng phải là yết-ma bạch và đui phạt.

Lại có hai loại yết-ma: một là người, hai là pháp. Những gì là yết-ma về pháp? - Như bạch rồi, thuyết giới Ba-la-đề-mộc-xoa và tự tứ. Như phân chia chỗ ở trong tịnh xá cho Tăng, sai người làm việc cho Tăng, sai người chia y bát, như thọ y Ca-hi-na, xả y Ca-hi-na, kiết giới, xả giới, ngủ lia y, bố-tát, an cư.

Các Tỳ-kheo (và Tỳ-kheo Ni) được đàn việt thỉnh an cư. Khi mùa an cư đã mãn, vì tham đồ ăn uống ngon, Tỳ-kheo Ni ở lại không đi, đàn việt sanh tâm chán ghét, các Tỳ-kheo liền đến bạch Phật, Phật liền chế giới:

- An cư xong, nếu Tỳ-kheo Ni ở nán thêm một ngày thì phạm Ba-dật-đề. Nếu là Tỳ-kheo lớn tuổi thì phạm Đột-kiết-la.

Tự tập, tự tứ, hỏi pháp, đáp pháp, hỏi luật, đáp luật. Người hỏi pháp là Ca-diếp, người đáp pháp là A-nan. Người hỏi luật là Ca-diếp, người đáp luật là Ưu-ba-ly. Đó đều gọi là yết-ma theo pháp.

Thế nào gọi là yết-ma theo người? - Như pháp độ Sa-di, trước bạch, sau cạo tóc cho thọ giới. Như hành Ba-lợi-bà-sa chưa đủ ngày lại tái phạm thì phải thực hành lại từ đầu, sau đó mới hành Ma-na-đỏa và tác pháp xuất tội với Tỳ-ni Hiện tiền và Tỳ-ni Ưc niệm.

Nhân Đạp-bà-ma-la-tử bị phỉ báng, Phật chế pháp Tỳ-ni Ưc niệm.

Nhân Tỳ-kheo Nan-đề-già đã thọ giới với tâm thanh tịnh, sau đó bị loạn tâm nên làm những việc trái giới luật, về sau tâm bình phục trở

lại, các Tỳ-kheo phỉ báng là phạm tội. Tỳ-kheo này tự nói: “Khi bị mất trí, tôi làm các việc ấy nhưng không hay không biết”. Đức Phật nói: “Các việc làm khi tâm bị điên cuồng thì không phạm”. Vì thế, Tỳ-kheo này theo chúng Tăng xin Tỳ-ni Bất si.

Thế nào là Tỳ-kheo tự biết?

- Khi Phật tại thế, Ngài thường tự thuyết giới. Đến ngày thuyết giới nọ, khi giờ thuyết giới đến, đầu đêm, giữa đêm, các Tỳ-kheo thỉnh Phật thuyết giới, Phật im lặng không thuyết, Mục Liên dùng thiên nhãn quán sát chúng này xem thử có ai không thanh tịnh mà Phật không thuyết giới, thì thấy một Tỳ-kheo không thanh tịnh. Mục Liên liền đứng dậy nắm tay dẫn ra ngoài. Phật bảo Mục Liên: “Vì sao không xét hỏi cho rõ?”.

Các Tỳ-kheo nên biết, lý do đầu đêm, giữa đêm Phật không thuyết giới là vì có giặc xấu. Lúc ấy các Tỳ-kheo ở nước Xá Vệ tranh cãi nhau, làm sao để dập tắt việc đó? Một Tỳ-kheo thông về Tam Tạng ở trong chúng dùng lời nói hòa hợp để dẹp trừ. Có Tỳ-kheo tên Ha Đức bị trúng gió trúng nắng nên loạn tâm, tranh luận với các ngoại đạo, lời lẽ lầm lẫn, rối loạn, trước sau mâu thuẫn nhau, bị ngoại đạo chê cười. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật gọi Tỳ-kheo ấy đến và nói: “Ông chớ có vì loạn tâm mà tranh luận với người khác, lời nói cần phải chắc thật”. Việc ấy bị quả trách trong hiện tại và dẹp trừ ngay trong hiện tại.

Khi đó, các Tỳ-kheo ở nước Xá Vệ tranh cãi nhau. Phật bảo các Tỳ-kheo: “Mỗi người hãy hướng về nhau, nắm vốc sát đất, như cỏ che đất, dẹp trừ sự vi phạm do tranh cãi và từ đó về sau nên sám hối diệt trừ”.

Từ yết-ma quả trách cho đến yết-ma về các loại người, vật đó là yết-ma theo người.

Có yết-ma thành, sự không thành. Có sự thành, yết-ma không thành. Có khi cả hai đều thành, có khi cả hai đều không thành. Yết-ma là pháp, sự là người.

Thế nào là sự thành, yết-ma không thành? - Người này thanh tịnh, không có tất cả các chướng ngại, đó là sự thành. Yết-ma không thành là: hoặc lời nói không đủ, không đúng thứ lớp trước sau, nói không rõ ràng, đó gọi là yết-ma không thành.

Thế nào là yết-ma thành, sự không thành? - Yết-ma thành là nói năng đầy đủ, đúng thứ tự trước sau, nói rõ ràng, đó là yết-ma thành. Sự không thành là: có người các căn không đầy đủ, hoặc bị các chướng ngại khác. Đó là sự không thành.

Cả hai đều thành: Yết-ma và người cả hai đều đầy đủ, nói là cả hai đều thành.

Cả hai đều không thành: Yết-ma và người cả hai đều không đầy đủ, gọi là cả hai đều không thành.

Yết-ma được ngăn chặn: Các Tỳ-kheo tập hợp lại nhưng làm không đúng pháp, pháp cần yết-ma không chịu yết-ma, pháp cần bạch không bạch. Trong chúng có người trì luật, đạo hạnh thanh tịnh, nói: “Việc này phi pháp phi luật, là việc không nên làm, hãy chấm dứt ngay!”. Đó là yết-ma được ngăn chặn.

Yết-ma không được phép ngăn: Chúng Tăng tập hợp làm các việc như pháp, trong chúng không có người cơ hiểm. Đó là yết-ma không được phép ngăn.

Hai điều này được nói rõ trong Ti-kiền-độ. Ti là tên nước.

Tẩn xuất có hai loại yết-ma: Một là tẩn xuất vĩnh viễn, hai là vì điều phục nên tẩn xuất. Người bị tẩn xuất để điều phục, trong khoảng thời gian chưa sám hối thì việc ăn uống, ngồi, đứng, nói năng..., tất cả các pháp sự của Tăng đều không được làm chung. Đó là yết-ma tẩn xuất để điều phục. Nếu người này ngang ngạnh, vĩnh viễn không chịu hối cải thì trọn đời không được cùng chúng Tăng làm các pháp sự.

Tôn giả Ưu-ba-ly rời khỏi chỗ ngồi, sửa y phục, chấp tay lễ

Phật,

bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo không có lầm lỗi đối với việc của Tăng mà bị cưỡng ép tẩn xuất thì việc này như thế nào?

Đức Phật nói:

- Tẩn xuất có hai loại: một là tẩn xuất đúng, hai là tẩn xuất sai. Như đũa mười ba hạng người gọi là tẩn xuất đúng, ngược lại gọi là tẩn xuất sai. Đó là yết-ma tẩn xuất.

Lại có chúng Tăng cho phép sám hối nhập vào chúng Tăng, yết-ma theo thứ lớp.

Nếu có Tỳ-kheo bị tẩn xuất để điều phục. Về sau, người này hối cải, xin Tăng tha tội, Tăng có dạy dỗ điều chi đều thuận theo ý của chúng Tăng, không làm trái nghịch, làm cho chúng Tăng đều hoan hỷ, Tăng liền tập hợp giải yết-ma tẩn xuất và làm yết-ma cho nhập chúng. Đó gọi là yết-ma cho nhập chúng Tăng.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

- Tẩn xuất và sám hối, việc này như thế nào?

Đức Phật nói:

- Vì để điều phục thì cho phép sám hối, còn đũa hẵn thì không

được phép sám hối.

Thế nào là yết-ma quả trách? - Có người gây sự, tranh chấp dữ dội ở trong chúng Tăng, đối với các pháp sự của Tăng đều làm không đúng pháp, cần phải quả trách đủ cách ngay khi có mặt đương sự cho đến đuổi đi. Việc quả trách này trong kiến độ quả trách có nói rõ. Việc quả trách như sau:

Nếu Tỳ-kheo làm các việc không đúng pháp, chúng Tăng nói: “Trưởng lão, thầy phạm lỗi làm việc không đúng pháp”. Người này liền đáp: “Tôi không biết, không thấy phạm những việc gì”. Tăng cần phải quả trách đủ cách nặng nề, cho đến đuổi đi. Đó gọi là yết-ma quả trách.

Pháp can gián cần phải căn cứ vào ba trường hợp là: Thấy, nghe, nghi về phá giới, phá kiến, phá hạnh. Việc can gián gồm có năm nhân duyên: một là đúng lúc, hai là lợi ích cho đương sự, ba là thật tâm, bốn là lời nói hòa thuận, năm là không nói lời thô ác.

Lại có năm lý do bên trong cho nên can gián: Một là lợi ích, hai là an lạc, ba là tâm từ, bốn là tâm bi, năm là làm cho mau chóng lìa khỏi việc phạm tội. Đó là duyên sự của pháp can gián.

Thế nào gọi là duyên sự? - Hoặc nhân, hoặc duyên ở trong đây, đầu tiên phát sanh từ đâu, sẽ được biết rõ như trong kinh Tỳ-kheo Bạt-đà-ba-la.

Bấy giờ, tại nước Xá Vệ, mỗi ngày Thế Tôn ăn một bữa. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ khi Ta ăn mỗi ngày một bữa đến nay, thân thể điều hòa, không có các bệnh khổ. Các thầy cũng nên ăn mỗi ngày một bữa.

Nghe Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành. Riêng Tỳ-kheo Bạt-đà-ba-la không vâng lời Phật dạy, mà bảo:

- Con không thể ăn mỗi ngày một bữa. Vì sao? - Con thường ăn liên tục và đã thành thói quen.

Đức Phật lại bảo:

- Ông có thể ăn nhiều vào giữa trưa, nhưng chỉ ăn một lần được không?

Lại nói:

- Thưa, không thể được.

Đức Phật lại định đi du hành các nước. Tôn giả A-nan vá y cho Phật. Tỳ-kheo ấy đến chỗ A-nan hỏi:

- Thầy làm gì vậy?

Tôn giả A-nan đáp:

- Thế Tôn định đi du hành các nước, vì thế tôi vá y cho Phật. Thầy sống ở đây chẳng có lợi ích gì?

Nghe lời này xong, vị ấy liền đến chỗ Phật, gieo năm vốc sát đất, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cho đệ tử xin sám hối.

Đức Phật nói:

- Sám hối vô ích, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều biết ông làm việc phi pháp. Ai thuận theo lời Ta thì đều có thể chứng đắc Tứ thiền, bốn định Vô sắc, các thần thông, giải thoát. Ai không nghe lời Ta thì không thể đạt được các pháp lành ấy.

Thầy ấy lại ân cần thưa thỉnh Thế Tôn ba lần. Sau đó, Thế Tôn nhận sự sám hối của Tỳ-kheo ấy và nói pháp:

- Nếu ai làm ác mà có thể hối cải thì được nhiều lợi ích ở trong Phật pháp. (Nói rõ như vậy)

Tỳ-kheo Bạt-đà-ba-la thường xuyên phạm tội. Các Tỳ-kheo thấy vậy liền can gián. Nghe lời can gián, Tỳ-kheo ấy không thêm để ý mà dùng lời khác đáp lại. Phật hướng về Tỳ-kheo Bạt-đà-ba-la nói:

- Có một Tỳ-kheo phạm đủ thứ tội. Các Tỳ-kheo thấy vậy liền như pháp can gián, Tỳ-kheo này liền dùng lời khác đáp lại và sanh tức giận.

Đức Phật nói:

- Tỳ-kheo này tuy không nhận lời can gián nhưng cũng phải can gián ông ấy. Vì sao? - Để cho tất cả Sa môn, Bà-la-môn đều nghe rõ, cũng để cho ông ấy phải chịu đau khổ lâu dài trong đời này.

Đức Phật nói:

- Pháp điều phục có ba loại: một là quở trách, hai là ở riêng, ba là cho y chỉ người có trí, cho đến đuổi đi. Nhờ việc điều phục này, tâm ý người ấy trở nên mềm dịu, sống thuận theo pháp của Tăng, làm cho đại chúng hoan hỷ. Đó gọi là pháp điều phục.

Xá-ma-đà, đời Tần gọi là diệt. Những việc gì của Tỳ-kheo cần phải diệt? - Nếu có Tỳ-kheo theo pháp lành, có thể dứt trừ bốn thọ: Một là thọ dục, hai là thọ kiến, ba là thọ giới thủ, bốn là thọ ngã thủ. Có thể trừ bốn thọ này thì thuận với việc thực hành pháp xuất ly. Điều thiện làm tăng thêm trong từng niệm, điều ác thì xả bỏ đi. Đó gọi là diệt.

Lại nữa, diệt là: Từ Tỳ-ni Hiện tiền đến Tỳ-ni Phú thảo, diệt bảy sự tranh cãi này cũng gọi là diệt.

Không nên diệt là: Tỳ-kheo nào đã làm năm pháp phát sanh việc tranh cãi: một là thường thích tại gia; hai là thường thích nương tựa quốc



vương, đại thân; ba là không thích dựa vào Tăng; bốn là cũng không nương tựa pháp; năm là không thuận theo tất cả các việc chúng Tăng làm. Nếu Tỳ-kheo nào đủ năm việc này mà có sự tranh cãi thì không nên diệt. Lại có Tỳ-kheo đã có năm pháp mà có sự tranh cãi thì phải diệt trừ. Đó là năm pháp trái ngược năm pháp trên. Ai thành tựu năm pháp này mà có sự tranh cãi thì phải diệt trừ.

Lại nữa, diệt là tùy thuận theo pháp mà chúng Tăng thực hành, thiện pháp đã có ngày càng tăng thêm, các việc làm thường hướng đến giải thoát. Nếu có công việc thì có thể làm cho Tăng vui vẻ, thực hành không mỗi một. Đó gọi là pháp diệt.

Pháp xả giới là: Nếu Tỳ-kheo nào buồn rầu không vui, không thích phạm hạnh, muốn trở về nhà, không thích pháp Tỳ-kheo, sanh tâm hổ thẹn đối với pháp này, ý muốn thành tựu pháp tại gia. Tỳ-kheo ấy nghĩ: “Pháp xuất gia vô ích đối với ta, pháp tại gia giúp ích ta rất nhiều, ý ta muốn xả pháp Tỳ-kheo, trở về nhà”. Tỳ-kheo ấy nói: “Ta xả bỏ Phật, Pháp, Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê, phạm hạnh, Tỳ-ni, giới Ba-la-đề-mộc-xoa (nói rõ như vậy). Nên biết đó là xả giới.

Không xả giới là: Nếu điên cuồng tâm loạn, cho đến miệng bị cấm khẩu không nói được thì không gọi là xả giới. Nói rõ như vậy, cần phải biết.

Giới sút kém là: Tỳ-kheo sanh niệm không thích phạm hạnh, thích làm ngoại đạo cho đến làm người bình thường. Đó gọi là giới sút kém. Việc giới sút kém như văn trên đã nói.

Pháp thuyết giới: Phải tập hợp Tăng như pháp. Khi Tăng đã tập hợp cần phải bạch yết-ma một lần; không nên bạch yết-ma hai, ba, bốn lần. Tăng làm pháp sự, như pháp nhận dục đều phải im lặng, không nên ngăn lại. Nếu Tăng không đầy đủ thì không nên thuyết giới. Nếu Tăng đủ thì nên đọc đủ giới. Nếu gặp lúc có nạn thì nói tóm lược.

Thời là: không có sự khó khăn gọi là thời.

Lúc ấy, Thế Tôn ở trong phòng yên tĩnh, suy nghĩ: “Ta phải chế giới nói Ba-la-đề-mộc-xoa cho các Tỳ-kheo, cho đến làm cho họ đắc bốn quả Sa-môn”.

Ba-la-đề-mộc-xoa là nơi đi đứng của giới luật. Đó là nghĩa Ba-la-đề-mộc-xoa.

Khi đó, các Tỳ-kheo dùng tiếng ca để tụng giới. Phật nói:

- Không nên dùng âm thanh ca to để tụng giới. Dùng tiếng ca để tụng giới có năm việc lỗi: một là tâm đắm nhiễm vào âm thanh này, hai là bị người đời chê, ba là không khác người đời, bốn là phớt bỏ việc hành



đạo, năm là ngăn trở việc nhập định. Đó là năm sự  
lầm lỗi.

Lúc Phật còn tại thế, các Tỳ-kheo thuyết giới hàng ngày, chúng Tăng đều sanh tâm nhàm chán. Nghe vậy, Phật liền dạy: mười lăm ngày thuyết giới một lần.

Bấy giờ, ở một trụ xứ thuyết giới, phòng Tăng lớn, các Tỳ-kheo ở xa không nghe, vì thế Như-lai chế pháp cho các Tỳ-kheo:

- Nếu Tăng chúng đông, phòng lại lớn, cần phải trải tòa ngồi ở giữa phòng, người thuyết giới ngồi trên tòa này, cần phải nói lớn tiếng rõ ràng cho mọi người đều nghe.

Lúc này, ở trụ xứ nọ, Tăng chúng tuy đông nhưng không có người tụng giới, pháp sự không thành. Nghe vậy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, ai xuất gia đến năm hạ, phải học giới cho thuộc. Nếu căn tánh chậm lụt thì dù cho trăm hạ cũng phải học giới. Nếu cố không học, hoặc trước học sau quên, hoặc căn cơ chậm lụt không thể thuộc được, ba hạng người này có bốn lỗi: Một là không được nuôi đệ tử, hai là không được lia y chỉ, ba là không được làm Hòa thượng, bốn là không được làm A-xà-lê. Đó là lỗi của người không học giới.

Có tám loại nạn được nói giới tóm lược: một là nạn vua, hai là nạn giặc, ba là nạn nước, bốn là nạn lửa, năm là nạn bệnh, sáu là nạn người, bảy là nạn phi nhân, tám là nạn rắn độc. Khi gặp tám nạn này thì được nói giới tóm lược.

Có năm cách tóm lược giới:

1- Nói bài tựa giới xong, nêu tên bốn pháp Ba-la-di và bảo: “Còn lại là những điều các vị thường nghe”. Đến pháp Chúng học cũng nói như vậy.

2- Nói bài tựa giới và bốn Ba-la-di xong, phần sau cũng nêu tên như cách trên.

3- Nói từ bài tựa giới cho đến mười ba việc. Phần còn lại được nêu tên như hai cách trước.

4- Nói từ bài tựa cho đến hai pháp Bất định. Phần còn lại được nêu tên cũng như ba cách trước.

5- Nói từ bài tựa cho đến Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Phần còn lại được nêu tên cũng như bốn cách trước.

Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo cùng ở một chỗ, đều có căn tánh chậm lụt không biết gì. Vì có nạn giặc, họ không thể đến chùa khác thuyết giới nên pháp sự không thành. Nghe vậy, Phật dạy các Tỳ-kheo:

- Các ông hãy nói tóm lược giới:

*Chớ làm các việc ác*

*Hãy làm các việc lành  
Giữ tâm ý thanh tịnh  
Là lời chư Phật dạy.*

Đó là nói giới tóm lược.  
Có bốn việc không thành thuyết

giới:

1- Nhóm người phi pháp cùng nhau thuyết giới, không gọi là thuyết giới.

2- Tự tập một cách phi pháp cũng không gọi là thuyết giới. Những người này có nhóm họp cũng không thành tựu.

3- Chỗ cần bạch một lần mà bạch hai lần cũng không thành thuyết giới.

4- Trong khi thuyết giới, nếu có ba bốn Tỳ-kheo cùng tranh luận, phát sanh tâm ngã mạn, nhân thuyết giới mà luận bàn sanh ra tranh cãi; thuyết giới như vậy không thành thuyết giới.

Có hai việc không thành:

1- Do tranh cãi nên thuyết giới không thành. 2- Do ác tâm nên tăng thêm phiền não.

Do hai việc này nên không thành thuyết giới. Việc này sẽ được nói rõ trong phần kiến độ Bồ-tát.

Ở đây nên nói điều gì? - Nếu Tỳ-kheo nào chưa phạm tội, trong tâm nghĩ: “Làm sao không phạm các điều ác mà được sanh điều lành”, liền đến gặp bậc trì pháp, trì luật, trì luận để hỏi điều ấy: “Tôn giả, pháp là gì? Thế nào là phi pháp? Thế nào là có thể nói? Thế nào là không thể nói?”.

Nghe lời này, vị thầy ấy liền nói pháp theo thứ lớp: như pháp, nói là không như pháp; không như pháp, nói là như luật; như luật, nói là chẳng phải luật; chẳng phải luật, nói là khinh; khinh, nói là trọng; trọng, nói là lời thô ác; lời thô ác, nói là chẳng phải lời thô ác; chẳng phải lời thô ác, nói là phạm; đúng là phạm, nói là không phạm; nên là không phạm, nói là Tăng tàn; đúng là Tăng tàn, nói là không phải Tăng tàn; không phải Tăng tàn, nói là nên đối trị; đúng là nên đối trị, nói là chẳng phải nên đối trị; chẳng phải nên đối trị, nói là chế định; chế định nói là chẳng phải chế định; chẳng phải chế định, nói là lời được nói; lời được nói, nói là không phải lời được nói; chẳng phải lời được nói, nói là như nhau; đúng là như nhau, nói là không như nhau; không như nhau, nói là phân biệt; phân biệt, nói là không phân biệt; không phân biệt, nói là pháp Tỳ-kheo.

Thức ăn ở bên trong cương giới, không có nhà bếp thì không được

ăn. Vì sao vậy?

Đức Phật du hành đến các thôn xóm, thấy các Tỳ-kheo đang tranh cãi, Phật hỏi:

- Tỳ-kheo tranh cãi việc gì vậy?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Hôm qua, ăn xong còn dư thức ăn nên hôm nay tranh giành.

Đức Phật nói:

- Từ nay trở đi, nếu là thức ăn qua đêm và thức ăn bên trong đại giới không có tịnh trừ thì tất cả không được ăn.

Trụ xứ của chúng Tăng lúc mới lập, chúng Tăng phải tập hợp, phải yết-ma xác định chỗ làm tịnh trừ trước, sau đó yết-ma về nơi dựng phòng ốc cho chúng Tăng. Nếu khi đó quên không yết-ma xác định nơi làm tịnh trừ, và sau đó mới nhớ lại thì phải giải đại giới, rồi giải tiểu giới, sau đó yết-ma xác định chỗ làm tịnh trừ trước pháp kết giới: kết tiểu giới trước, sau mới kết đại giới. Để thức ăn chung trong đại giới mà ngủ qua đêm, thức ăn còn dư qua đêm, thức ăn chúng Tăng làm trong tiểu giới, thức ăn chúng Tăng tự tay làm, nếu gặp lúc đói kém thì được ăn, còn các lúc khác thì không được ăn. Ăn xong, đàn việt đến thỉnh, vị ăn đã no hãy đem thức ăn này cho các vị Tăng khác. Vị Tăng kia nhận xong phải tác pháp thức ăn dư rồi mới ăn.

Lại có các đại sư được nhà vua thỉnh thọ thực đến hai lần. Sau khi ăn no, vị ấy đem thức ăn còn dư cho các vị Tăng cùng trụ xứ, chúng Tăng sợ, không dám ăn. Phật dạy:

- Cho các vị tác pháp thức ăn dư rồi ăn, không có lỗi.

Có Tỳ-kheo nhận được trái cây ở ngoài đem đến cúng, liền tịnh thí cho thí chủ. Gặp lúc đói kém, thí chủ không hoàn trả, nhân đó Phật chế giới:

- Từ nay trở đi, nếu gặp lúc đói kém thì được phép tự cất chứa để ăn. Trái cây ở trong ao và tất cả trái cây cũng như vậy.

Pháp chứa bát: trừ bát sắt, bát đất nung, tất cả các loại bát khác đều không được cất chứa.

Không được cất chứa loại y có màu đẹp nhất. Gấm vóc, vòng hoa, các loại y này không được cất chứa.

Điều cần nói là: Có Tỳ-kheo suy nghĩ: “Làm sao tu các pháp lành?”. Nghĩ xong, vị ấy đến chỗ các bậc trí, hỏi: “Thế nào là phạm, thế nào là không phạm? Thế nào là sám hối? Vì việc gì mà phạm?”. Vị thầy ấy liền dựa theo luật mà nói những việc phạm hay không phạm, cần phải biết rõ như vậy. Nghe vị thầy nói xong, người hỏi không còn

buồn khổ, theo lời dạy của thầy mà thực hành đúng luật, tâm được thanh tịnh, thuận theo pháp lành, không còn có ý niệm khác. Đó gọi là nói điều cần nói.

Lại nữa, nói điều cần nói là:

Tỳ-kheo nghĩ: “Sanh tử thật đáng chán. Làm sao để ra khỏi sanh tử và tu đạo để nhập Niết-bàn?”. Suy nghĩ xong, vị ấy đến chỗ bậc trí để hỏi: “Thưa tôn giả, làm sao tu bốn thiền cho đến bốn quả?”. Vị thầy ấy liền nói theo thứ lớp cho đến quả A-la-hán. Đó gọi là nói điều cần nói.

Thế nào gọi là nói phi pháp? - Đó là khi được hỏi, vị thầy ấy trả lời lung tung: pháp nói là phi pháp; phi pháp, nói là pháp; cho đến lời được nói, nói chẳng phải lời được nói; chẳng phải lời được nói, nói là lời được nói; đúng lượng, nói chẳng phải đúng lượng; chẳng phải đúng lượng, nói là đúng lượng; phân biệt, nói chẳng phân biệt; chẳng phân biệt, nói là phân biệt. Từ đồ ăn, bình bát, cho đến đồ uống cũng đều như vậy.

Lại nữa, nói điều không nên nói

là:

Có Tỳ-kheo hỏi bậc trí: “Làm sao đắc sơ thiền cho đến bốn quả?”. Bậc trí nói: “Ông đã hỏi cách đắc pháp thượng nhân, vì vậy, ông phạm Ba-la-di”. Đó gọi là nói điều không nên nói.

Ngày xưa, có Tỳ-kheo tên Nan-đề-già, bị mất trí. Vào ngày chúng Tăng bố-tát, có lúc nhớ có lúc quên, khi nhớ thì đến, không nhớ thì không đến. Các Tỳ-kheo đến bạch Thế Tôn, Phật bảo:

- Hãy bạch Nhị yết-ma mất trí cho Tỳ-kheo ấy, thì tuy ông ấy không đến, pháp sự vẫn thành tựu. Việc này trong phần kiền độ Bố-tát có nói rõ.

Sau đó, tâm trí Tỳ-kheo ấy trở lại bình thường, các Tỳ-kheo thắc mắc: “Nên xả hay không xả yết-ma mất trí lúc trước?” bèn đến bạch Thế Tôn, Phật bảo:

- Tâm trí đã bình thường thì hãy xả yết-ma ấy.

Các Tỳ-kheo lại thắc mắc: “Về sau thầy ấy lại mất trí thì phải làm sao?”, Phật nói:

- Làm lại yết-ma mất trí và khi tâm vị ấy trở lại bình thường thì xả yết-ma ấy.

Tỳ-kheo nhận đồ cúng dường của người mà không như pháp thì sẽ bị đồ cúng dường ấy làm đọa lạc. Đọa có hai loại:

- Một là ăn đồ cúng dường của người mà không tu đạo đúng pháp, buông lung, phóng túng, không chịu làm các việc lành.

- Hai là nhận đồ cúng dường đem cho lại người khác không đúng

pháp.

Do hai việc này, người ấy phải đọa vào ba đường. Nếu không chịu

quả báo trong ba đường thì ngay trong thân này người ấy sẽ bị vỡ bụng, thức ăn trào ra, áo đang mặc trên thân bỗng lìa khỏi thân.

Người đáng được cho là: Hoặc cha mẹ nghèo khổ, trước hết phải truyền Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, sau đó mới cho. Nếu cha mẹ không nghèo thì tuy thọ Tam quy, Ngũ giới cũng không được cho.

Lại có những hạng người đáng được cho: Một là người sửa tháp, hai là người phục vụ Tăng chúng, ba là người sửa phòng ốc của Tăng, bốn là người bệnh khổ, năm là trẻ con, sáu là người mang thai, bảy là người bị cầm tù, tám là người đến chùa xin ăn. Những hạng người này, hoặc cho đúng, hoặc cho không đúng.

Người sửa tháp, phục vụ Tăng và sửa phòng ốc cho Tăng thì tính công lao của họ để trả công theo giá trị. Nếu trả nhiều hơn thì sẽ bị đồ cúng dường làm sa đọa.

Khi cho người bệnh thức ăn thì nên khởi tâm từ bi, tùy theo người bệnh cần gì mà bố thí cho. Nếu cho loại thức ăn không hợp với bệnh thì sẽ bị đồ bố thí làm sa đọa.

Trẻ con, người bị cầm tù, người mang thai, đối với những hạng người này phải dùng tâm từ bi để bố thí cho họ. Chớ có mong đem cho để được quả báo, vì vậy đừng làm trở ngại cho Phật pháp. Hãy dùng tâm như vậy để bố thí như pháp. Nếu không như vậy thì sẽ bị của bố thí làm cho đọa lạc.

Đối với người đến chùa xin ăn, nếu họ đã có sẵn thức ăn thì không cần phải cho thêm. Nếu cho thì sẽ bị của bố thí làm cho đọa lạc. Nếu người đó không có thức ăn thì bố thí cho họ không có lỗi.

Nếu Tỳ-kheo không ngồi thiền, không tụng kinh, không làm việc Phật, Pháp, Tăng mà nhận đồ cúng dường của người thì sẽ bị đồ cúng dường làm cho đọa lạc. Ai có đủ ba nghiệp lành thì nhận cúng dường không có lỗi. Nếu người đối diện không có ba nghiệp lành, ta biết mà còn đem đồ bố thí lại cho họ thì cả người cho và người nhận đều bị đồ cúng dường làm cho đọa lạc.

Tỳ-kheo ăn đồ của đàn việt cúng dường, cần phải biết đủ, biết lượng, ai ăn uống quá no sẽ bị đồ cúng dường làm cho đọa lạc. Tỳ-kheo nào ăn uống với tâm kiêu mạn thì sẽ bị đồ cúng dường làm cho đọa lạc. Vì sao vậy? - Từ lâu, Thế Tôn thường ca ngợi sự ăn uống vừa phải.

Cuối cùng, cúng dường cho người trì giới là người có thể nhận đồ cúng dường và làm tiêu được đồ cúng dường. Như Phật đã nói: “Cúng

dường cho người trì giới, được quả báo rất lớn. Cúng cho người phá giới được quả báo rất ít”. Như câu kệ Phật đã nói: “Thà nuốt hòn sắt mà chết, không đem thân không có giới hạnh mà ăn đồ của tín thí cúng dường”.

Nếu ăn no rồi còn ráng ăn thêm thì không tăng thêm sắc đẹp và sức lực mà chỉ tăng thêm bệnh hoạn. Vì thế không nên ăn vô độ.

Về việc yết-ma, có bốn nhưn duyên làm yết-ma thành tựu: một là như pháp, hai là Tăng tập hợp đủ; ba là, chỗ cần đơn bạch như pháp thì đơn bạch cho đến chỗ cần bạch tứ thì bạch tứ, nơi cần bạch tứ thì không được bạch ba, hai, một lần; bốn là người ở trong chúng mà không đến thì gởi dục, trong chúng không có người vấn nạn. Bốn pháp này thành tựu thì đó là yết-ma như pháp. Việc này xem trong chương kiền độ thì sẽ biết rõ.

Yết-ma phi pháp: bốn việc trên không thành thì không gọi là yết-ma. Tỳ-ni là có nhiều loại Tỳ-ni, như Tỳ-ni có vi phạm, Tỳ-ni có tranh cãi, Tỳ-ni có phiền não, Tỳ-ni Tỳ-kheo, Tỳ-ni Tỳ-kheo Ni, Tỳ-ni thiếu phần, Tỳ-ni tất cả mọi chỗ, Tỳ-ni từng phạm, Tỳ-ni xuất tội. Lại nữa, Tỳ-ni có thể diệt trừ gốc bất thiện, có thể diệt pháp chướng ngại, có thể diệt năm triền cái và hạnh ác thì gọi là Tỳ-ni.

Lại có Tỳ-ni có thể phát lộ, tùy thuận tu hành, bỏ ác theo thiện gọi là Tỳ-ni.

Thế nào gọi là phát lộ? - Không che giấu những lỗi đã phạm, nói hết cho người khác biết, gọi là phát lộ. Việc này trong kiền độ diệt tội đã nói rõ.

Tùy thuận là thuận theo lời của Hòa thượng, lời của A-xà-lê, cho đến lời của chúng Tăng, không có làm trái ngược, đó gọi là tùy thuận.

Thế nào gọi là diệt? - Có thể dập tắt việc tranh cãi nên gọi là

d  
iệt. Thế nào gọi là đoạn? - Như đoạn trừ phiền não gọi là đoạn. Tỳ-ni phiền não sẽ được nói rõ trong phần Tỳ-ni đoạn trừ phiền  
n

ã. Lại nữa, Tỳ-kheo nói: “Theo sự thấy biết của tôi thì tham  
dục

không thể làm chướng đạo”. Các Tỳ-kheo can gián: “Chớ có nói như vậy. Dục là gốc của sự chướng đạo. Sở dĩ biết như vậy là vì Thế Tôn đã dùng đủ loại ví dụ để nói về dục. Đó là: dục như hố lửa... cho đến như con dao. Vì sao nói dục không làm chướng đạo?! Cần phải xả bỏ tà kiến này”.

Khi các Tỳ-kheo can gián, nếu vị ấy nhận lời can gián thì

tốt. Nếu



vị ấy không nhận thì các Tỳ-kheo phải làm yết-ma bạch tứ ước niêm, nhắc cho vị ấy nhớ lại. Đó là dẹp bỏ lời nói sai lầm của Tỳ-kheo ác kiến.

Các Tỳ-kheo tụ tập làm pháp sự. Trong chúng có người không như pháp nên chúng Tăng làm pháp sự không thành. Nếu người này có ba, bốn, năm người bạn thì hãy can gián vị ấy. Nếu chỉ có một mình thì không cần can gián. Vì sao vậy? - Vì lực của đại chúng lớn, có thể tấn xuất vị ấy. Vị ấy sẽ không còn được ích lợi ở trong pháp và tự chịu khổ não. Do đó hãy im lặng, không nói.

Nếu vào trong chúng Tăng thì phải lập năm đức: Một là, thường khởi tâm từ, như ví dụ cái cào, cái chổi bình đẳng đối với sự tốt xấu và đều làm cho được tốt. Hai là, thường phát sanh tâm cung kính khiêm hạ đối với các Thượng tọa, không được ngạo mạn. Ba là, không được đàm luận, giao du với những người hạ tọa. Bốn là, khi Tăng tập hợp làm pháp sự, đại chúng phải thỉnh một vị biết pháp lên nói pháp. Năm là, nếu chúng không thỉnh thì hãy nhắc chúng thỉnh người biết pháp lên nói pháp.

Xá-lợi-phất cũng thành tựu năm pháp nhập vào chúng Tăng nói trên.

Thế nào là bạch? - Nay Ca-diếp! Tùy theo lời nói của Tỳ-kheo mà chúng Tăng đều im lặng chấp nhận, nên gọi là bạch.

Trường hợp đơn bạch là: Như khi bắt đầu độ Sa-di thọ đại giới phải bạch Tăng. Sau khi bạch xong, Tăng sai thầy giáo thọ dẫn người xuất gia đến nơi kín để hỏi pháp già nạn. Như khi muốn nói Ba-la-đề-mộc-xoa hoặc tự tứ, hoặc bình bát bị vỡ... phải thọ lại.

Có Tỳ-kheo tên Xiển-Đà sắp sửa phạm giới, các Tỳ-kheo biết được liền can gián. Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: “Các Thầy nói gì vậy, nói với ai vậy, ai phạm giới vậy, thế nào là phạm?”. Ông ta nói những lời khác nhau như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói:

- Hãy làm yết-ma biệt trụ đối với Tỳ-kheo nói năng lung tung này.

Về sau, Tỳ-kheo Xiển-Đà lại khinh chê, trêu chọc các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bảo chớ có ngồi, vị ấy lại ngồi; bảo chớ có đứng, vị ấy lại đứng dậy; bảo chớ có nói, lại nói; bảo chớ có đến, lại đến. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo:

- Hãy yết-ma bạch nhất để điều phục sự đùa cợt của ông ấy.

Những yết-ma như vậy và những yết-ma chưa nêu tương tự như vậy đều gọi là yết-ma bạch nhất.

Thế nào là yết-ma bạch nhị?

Bạch là: “Đại đức Tăng xin lắng nghe. Phòng ốc ấy bị sụp đổ, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận để phòng ốc ấy cho đàn-việt sửa chữa cùng với Tỳ-kheo tri sự”. Bạch như vậy.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe. Phòng ốc ấy không có đàn việt chăm nom, đã bị sụp đổ. Nay Tăng để phòng ốc ấy cho đàn việt ấy sửa chữa cùng với Tỳ-kheo tri sự. Nếu vị nào chấp nhận để phòng ốc ấy cho đàn việt ấy sửa chữa cùng với Tỳ-kheo tri sự thì im lặng, vị nào không chấp nhận thì nói”.

“Tăng đã chấp nhận để phòng ốc ấy cho đàn việt ấy sửa chữa cùng với Tỳ-kheo tri sự. Tăng chấp nhận vì im lặng, việc ấy được ghi nhận như vậy”.

Người quản lý công việc của chúng Tăng phân chia y, bát của Tỳ-kheo qua đời, thọ y công đức, xả y công đức, tất cả pháp kết giới, pháp ngũ không lìa y, trước hết phải kết đại giới, sau mới kết giới không mất y. Khi xả, trước hết phải xả giới không mất y, sau mới xả đại giới, giáo thọ Tỳ-kheo Ni tự tứ, các pháp như vậy đều là yết-ma bạch nhị.

Yết-ma bạch tứ là: Một lần bạch và ba lần yết-ma, gọi là yết-ma bạch tứ. Một là yết-ma quở trách. Hai là có Tỳ-kheo tranh cãi với bạch y, chúng Tăng khuyên hãy cùng đàn việt ấy sám hối. Các yết-ma như tấn xuất, diệt tấn, biệt trụ, trị phạt lại như cũ, hành Ma-na-đỏa, thực hành pháp xuất tội cho đến bảy diệt tránh cũng là bạch tứ yết-ma.

Có Tỳ-kheo đại đức được đàn việt tín tâm, giàu có coi trọng, thỉnh vị ấy trong nhiều năm, cúng dường cho vị ấy mọi thứ cần dùng, có người phỉ báng: “Do Tỳ-kheo ấy, nên trưởng giả giàu có nọ bị hao tổn tài sản”.

Tỳ-kheo Ni ngu si mất trí, thọ giới xong lại đến gặp chúng Tăng để xin giới. Yết-ma về các việc sai phạm trên như: yết-ma phú bát, mặc tấn và nhiều yết-ma khác tương tự như vậy chưa nêu ra ở đây đều là yết-ma bạch tứ.

Biệt trụ có hai loại: Nếu có ngoại đạo xin xuất gia trong Phật pháp, Tăng nên tác pháp yết-ma bạch tứ, cho ở riêng bốn tháng. Lại nữa, người nào phạm một trong mười ba pháp Tăng-tàn mà che giấu không phát lồ, về sau mới phát lồ thì Tăng phải bạch tứ yết-ma cho biệt trụ. Vì sao gọi là biệt trụ? - Biệt trụ là sống riêng trong một phòng, không được ở chung với chúng Tăng, phải ngồi ở vị trí thấp nhất trong chúng, không được ăn chung với chúng Tăng, dù một chút như cọng cỏ. Lại nữa, tất cả những việc khổ nhọc của chúng Tăng như quét dọn tháp,

phòng Tăng, nơi đại tiểu tiện, người ấy đều phải làm. Lại nữa, khi vào trong Tăng thì người ấy không được cùng Tăng đàm luận. Nếu có ai hỏi thì cũng không được đáp. Vì lý do này nên gọi là biệt trụ.

Làm trở lại từ đầu là: Chưa hết thời gian biệt trụ, người ấy lại tái phạm, lại phải theo chúng Tăng xin biệt trụ. Tăng bạch tứ yết-ma bắt làm lại số ngày đã che giấu trước đây nên gọi là làm lại từ đầu.

Thế nào gọi là Ma-na-đỏa? - Ma-na-đỏa là phải làm việc khổ nhọc và sống riêng biệt giống như trước đó, nhưng hơi khác trước là về giới hạn thời gian. Nếu lúc mới phạm liền phát lồ ngay thì cũng phải thực hành sáu ngày sáu đêm. (Ma-na-đỏa, Tàu dịch là ý hỷ). Người làm việc ấy tuy tự ý vui mừng nhưng cũng có hổ thẹn và cũng làm cho chúng Tăng hoan hỷ. Do vui mừng nên chỉ phải thực hành trong vài ngày. Vì chỉ có ít ngày nên được gọi là vui mừng. Chúng Tăng vui mừng là: quan sát thấy người này thực hành theo pháp, không còn vi phạm trở lại, chúng Tăng khen: “Người này nhờ vậy mà hối cải, không còn phát sanh phiền não, trở thành người thanh tịnh”, vì vậy nên vui mừng.

A-phù-ha-na (pháp xuất tội) là: Có giới thanh tịnh sanh ra giải thoát thanh tịnh. Hoàn toàn thanh tịnh không vi phạm và khéo giữ gìn giới này thì gọi là A-phù-ha-na.

Có phạm và không phạm: người phạm có ba hạng: Một là không điên cuồng. Hai là tâm không bị loạn. Ba là không bị sự đau khổ bức ngặt, đó gọi là phạm.

Lại có người phạm. Tất cả những tội nặng nhẹ được xét tùy theo luật Phật đã chế, cần phải biết rõ. Người không phạm cũng như vậy, tùy theo được nêu rõ ở thiên nào, cần phải biết rõ việc ấy. Việc quyết định có phạm hay không phạm phải được dựa vào luật để suy luận ra. Từ pháp đầu tiên là không biết phi pháp cho đến không biết sám hối, không sám hối; hai mươi hai loại cho người thọ Cụ túc, này đều gọi là phạm, cần phải đoạn trừ dứt khoát tất cả những thứ đó. Muốn biết việc không phạm cũng phải dựa vào luật để suy luận ra, có thể thành tựu hai mươi hai pháp mới nên cho người thọ Cụ túc thì gọi là không phạm.

Có khi Tỳ-kheo phạm, chẳng phải Tỳ-kheo Ni phạm. Có pháp Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Tỳ-kheo phạm. Có pháp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Thức xoa ma ny phạm. Có pháp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Sa-di, Sa-di Ni phạm. Có pháp năm chúng xuất gia phạm, chẳng phải Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phạm. Có pháp bảy chúng xuất gia đều phạm.

Những pháp gì Tỳ-kheo phạm, chẳng phải Tỳ-kheo Ni phạm? -

Như pháp ở nơi hoang vắng, Tỳ-kheo Ni không thực hành pháp này, vì vậy Tỳ-kheo phạm, chẳng phải Tỳ-kheo Ni phạm: Có một Tỳ-kheo sống ở A-lan-nhã, làm biếng không chịu múc nước chứa trong bình, lại không có thức ăn. Sau đó có kẻ cướp đến theo đòi nước và thức ăn đều không có liền nổi giận đánh thầy Tỳ-kheo, sau đó Như Lai biết được liền chế giới: “Người sống ở A-lan-nhã phải chứa nước trong bình và để dành ít nhiều thức ăn dư để khi kẻ cướp đến đòi thì đem cho”. Những việc như vậy đều là pháp của Tỳ-kheo, chẳng phải pháp của Tỳ-kheo Ni.

Những pháp gì Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Tỳ-kheo phạm? - Nếu Tỳ-kheo Ni qua sông một mình, vào làng một mình, lìa chúng ngũ một mình, đi đường một mình, bảo người nam cạo tóc một mình, đi kinh hành hoặc ngồi kết-già một mình ở nơi kinh hành của Tỳ-kheo thì phạm luật. Những vi phạm này, Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Tỳ-kheo phạm.

Những pháp gì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Thức xoa ma ni phạm? - Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni không nhận thức ăn mà ăn thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni phạm, chẳng phải Thức xoa ma ni phạm.

Những pháp gì ba chúng phạm, chẳng phải Sa-di, Sa-di Ni phạm?

- Trừ giới Sa-di, Sa-di Ni, phạm những giới khác là ba chúng phạm, chẳng phải Sa-di, Sa-di Ni phạm.

Những pháp nào năm chúng phạm, chẳng phải Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phạm? - Trừ năm giới, phạm những giới khác là năm chúng phạm, chẳng phải hai chúng phạm.

Những pháp nào bảy chúng đều phạm? - Bảy chúng đều giữ năm giới, nếu phạm năm giới này thì bảy chúng đều phạm.

Có pháp chỉ phạm vào mùa Đông, không có phạm vào mùa Xuân, Hạ. Có pháp chỉ phạm vào mùa Xuân, chẳng phạm vào mùa Hạ và Đông. Có pháp chỉ phạm vào mùa Hạ, không phạm vào mùa Đông và Xuân.

Pháp nào mùa Đông phạm, chẳng phải Xuân, Hạ phạm? - Bốn tháng mùa Đông đã mãn, phải xả y công đức, nếu không xả, quá một ngày phạm Đột-kiết-la. Việc này chỉ phạm vào mùa Đông, chẳng có phạm vào mùa Xuân, Hạ.

Pháp nào mùa Xuân phạm, chẳng phải phạm vào mùa Hạ, Đông?

- Còn một tháng là hết mùa Xuân, phải xin y tắm mưa. Nếu quá trước một tháng mà xin, hoặc xin quá trễ so với quy định và khi đã được y lại không dùng trong phạm vi mười lăm ngày thì phạm luật. Ba việc này

đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-đạt-đề.

Pháp nào mùa Hạ phạm, chẳng phải mùa Đông, Xuân phạm? - Thường pháp của Tỳ-kheo là an cư vào mùa Hạ. An cư có hai loại: Tiễn an cư và hạ an cư. Nếu đều không an cư, lại không tự tứ thì vi phạm luật. Việc này phạm vào mùa Hạ, chẳng phải phạm vào mùa Đông, mùa Xuân.

Vì thế ba việc vi phạm này đều theo thời gian mà có, gọi là phạm hay không phạm.

Thế nào là tội nhẹ? - Phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni là tội nhẹ. Hoặc nói với một người, hoặc tự nghĩ trong tâm đều có thể diệt tội. Tự chủng tánh là: Nếu Tỳ-kheo cất chứa giày bằng da người, hoặc ăn thịt người, hoặc chứa đựng thức ăn thì phạm Thâu-lan-giá.

Chủng tánh là: thịt và da là thân người nên nói là chủng tánh. Đột-kiết-la là: không giữ gìn oai nghi trên thân nên mắc Đột-kiết-la.

Ác khẩu là: nói ông là thợ thuyền, là con hát người làm trò, các căn không đầy đủ, nói như vậy mắc tội Ba-dật-đề. Đó gọi là phạm tội nhẹ về nói lời hung ác.

Tội nặng là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa. Thâu-lan-giá giữa hai tội này.

Có chỗ Tỳ-kheo phạm nặng, Tỳ-kheo Ni phạm nhẹ; có chỗ Tỳ-kheo Ni phạm nặng, Tỳ-kheo phạm nhẹ.

Tỳ-kheo phạm nặng là: Cố làm xuất tinh, Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Tỳ-kheo Ni phạm Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo Ni phạm nặng là: Nếu do tâm dâm dục quá mạnh, Tỳ-kheo Ni dùng tay xoa chỗ kín của người nam, người nam cũng dùng tay xoa chỗ kín của Tỳ-kheo Ni, cả hai đều thích thú khi tiếp xúc thì Tỳ-kheo Ni phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo Ni biết Tỳ-kheo Ni phạm giới trọng mà che giấu không nói với Tỳ-kheo Ni khác thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không thuận theo pháp của Tăng, Tăng làm yết-ma quở trách, Tỳ-kheo Ni nói: “Tỳ-kheo ấy tùy thuận pháp của Tăng”. Tỳ-kheo Ni ấy dùng đủ lời lẽ qua lại trợ giúp cho Tỳ-kheo kia. Các Tỳ-kheo Ni can gián: “Không được qua lại nói những lời lẽ trợ giúp cho nhau”. Tỳ-kheo Ni ấy không nghe theo lời can gián mà qua lại dùng lời trợ giúp Tỳ-kheo kia không dứt, Ni chúng liền bạch tứ yết-ma đối với Tỳ-kheo Ni ấy. Tỳ-kheo Ni ấy phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo Ni lại có tám việc phạm Ba-la-di: một là Ni và người

nam nắm tay nhau, hai là nắm y nhau, ba là cùng người nam ngồi chỗ kín, bốn là cùng nói chuyện ở chỗ kín, năm là thân xúc chạm nhau ở nơi kín, sáu là Ni cùng người nam đi chung đường một mình, bảy là khỏa thân xúc chạm nhau ở giữa đường, tám là hẹn nhau làm việc bất tịnh. Nếu Ni làm đủ bảy việc trước thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu đủ tám việc thì phạm Ba-la-di.

Đó là Tỳ-kheo Ni phạm nặng, Tỳ-kheo phạm nhẹ.

Có lúc phạm giới nặng, quả báo nặng; có lúc phạm giới nhẹ, quả báo nặng; có lúc phạm giới nặng, quả báo cũng nặng; có lúc phạm giới nhẹ, quả báo cũng nhẹ.

Phạm giới nặng, quả báo nhẹ là: Có Tỳ-kheo làm mai mối để nam nữ hòa hợp nhau. Nếu họ hòa hợp được thì Tỳ-kheo phạm Tăng-tàn, không hòa hợp được thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo tự động làm phòng ốc riêng, không bạch chúng Tăng xin yết-ma, chưa cất xong phạm Thâu-lan-giá, cất xong phạm Tăng-tàn. Đó gọi là phạm nặng, quả báo nhẹ.

Phạm giới nhẹ, quả báo nặng là: nếu Tỳ-kheo nổi giận đánh A-la-hán hoặc vuốt ve xúc chạm A-la-hán với tâm dâm dục, đấm nhiễm, cho đến đánh Phật hoặc sanh tâm dục nhiễm đối với Phật, hoặc dùng lời ác mắng A-la-hán và Phật, chê thân hình tàn tạ, các căn không đủ thì phạm Ba-dật-đề. Đó gọi là phạm giới nhẹ nhưng quả báo nặng.

Phạm giới nặng, quả báo nặng là: Tỳ-kheo nào dùng pháp Ba-la-di với hai việc không căn cứ phỉ báng Thánh và phạm thì phạm tội Tăng-tàn. Hai việc không căn cứ là:

1- Do tâm sân hận, Tỳ-kheo Ni nọ sai cô ni em mình tên Di-Lặc đến phỉ báng A-la-hán Đà-phiêu-ma-la-tử: “Đại đức cùng tôi hành dâm”.

2- Lúc khác, Tỳ-kheo phỉ báng người khác đó đi trên đường, thấy hai con dê cùng hành dâm, liền nghĩ: “Việc phỉ báng lần trước đã không thật có kết quả, nay lấy dê cái làm Ni Di-Lặc, dê đực làm Đà-phiêu-ma-la-tử”. Suy nghĩ xong, vị ấy vào trong chùa nói với chúng Tăng: “Lần trước không có thật, hôm nay thì thấy thật sự”. Các Tỳ-kheo liền can gián: “Chớ có dùng lời ác phỉ báng A-la-hán này”. Đáp: “Thật vậy, hãy nghe tôi nói”. Các Tỳ-kheo lắng nghe. Thầy ấy nói: “Hôm trước tôi đi trên đường, thấy hai con dê hành dâm với nhau, dê đực là Đà-phiêu-ma-la-tử, dê cái là Ni Di-Lặc”. Nghe xong, các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận: “Hai việc này đều không có căn cứ”.

Đó gọi là phỉ báng dựa trên hai việc không căn cứ.



Tỳ-kheo nào mắc các lỗi sau: một là làm hoen ố tín đồ, hai là tìm cách phá hoại pháp luân Tăng, ba là đồng lõa với nhóm phá hoại pháp luân Tăng, bốn là có tánh ngoan cố không nhận lời can gián của người thì mắc tội Tăng-tàn. Đó là phạm tội nặng, quả báo cũng nặng.

Phạm tội nhẹ, quả báo cũng nhẹ là: Tỳ-kheo nào vào làng xóm, quên không giữ gìn bốn oai nghi của thân và bốn lỗi của miệng, sơ suất vi phạm thì phải sám hối trước một người về tội Đột-kiết-la, Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo Ni phạm tội, quên không phát lồ, đến lúc bố-tát mới nhớ, định phát lồ nhưng sợ làm loạn tâm nghe giới của chúng Tăng nên im lặng suy nghĩ: “Để thuyết giới xong sẽ sám hối”. Những việc như vậy đều phạm tội nhẹ, quả báo cũng nhẹ.

Có ba hình thức phạm: Một là sự nặng, tâm nhẹ. Hai là sự nhẹ, tâm nặng. Ba là sự, tâm đều nặng.

Sự nặng, tâm nhẹ là: Tỳ-kheo thuyết pháp cho Ni nghe ở trong chùa Ni, tuy mặt trời đã lặn nhưng trong tâm sanh nghi, cho: “Mặt trời chưa lặn” nên tiếp tục thuyết pháp. Đó là sự nặng tâm nhẹ.

Sự nhẹ tâm nặng là: Tỳ-kheo nói pháp ở chùa Ni, mặt trời chưa lặn nhưng trong tâm cho là mặt trời đã lặn và vẫn tiếp tục nói pháp. Đó là sự nhẹ, tâm nặng.

Tâm và sự đều nặng là: Tỳ-kheo nói pháp ở trong chùa Ni, mặt trời đã lặn, tâm cũng nghĩ là mặt trời đã lặn mà vẫn tiếp tục nói pháp. Đó là tâm và sự đều nặng.

Tâm nhẹ, sự nặng; tâm nặng, sự nhẹ, cả hai đều mắc tội

Đột-kiết-

l

a. Tâm và sự đều nặng, phạm Ba-dật-đề.

Ba-la-di tuy tội phạm có cùng tên gọi nhưng quả báo có khác

nhau. Vì sao? - Như chỗ hành dâm chẳng phải chỉ có một, bao gồm súc sanh và người. Trong loài người lại có xuất gia và không xuất gia. Không xuất gia có hai hạng là: có trì giới và không trì giới. Xuất gia có năm hạng và cũng có trì giới hay không trì giới, cho đến Thánh nhơn. Do có sự khác nhau như vậy nên tuy tội phạm có cùng tên gọi nhưng quả báo có khác.

Trong pháp Ba-la-di thứ nhì thì nơi bị ăn trộm cũng chẳng phải là một, gồm có xuất gia và tại gia. Người tại gia bị ăn trộm đồ vật có nhiều hạng khác nhau, người xuất gia bị ăn trộm đồ vật cũng có nhiều hạng khác nhau. Ăn trộm đồ Tam bảo cũng có khác nhau. Vì thế tội Ba-la-di tuy có cùng tên nhưng quả báo có khác,

Pháp Ba-la-di thứ ba là, nếu giết hại trời người cho đến Thánh

nhân thì mắc tội Ba-la-di. Danh từ giết hại tuy giống nhau nhưng quả báo cũng khác nhau.

Pháp Ba-la-di thứ tư cũng có sai khác. Nói với người tại gia là mình đắc pháp thượng hơn thì mắc tội nặng. Nói với người xuất gia mình đắc pháp hơn người thì mắc tội nhẹ.

Vì thế, tên của tội tuy giống nhau nhưng quả báo không giống nhau.

